

Bản án số: 112/2024/DS-PT.  
Ngày: 04-9-2024.  
V/v tranh chấp về hợp đồng vay  
tài sản.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Văn Dũng**;  
ông **Nguyễn Hữu Thịnh**.

- *Thư ký phiên tòa:* bà **Trần Thị Minh Hiếu** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam:* bà **Trần Thị Thanh Bắc** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 137/2024/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 75/2024/QĐXXPT-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Lê Thị N, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Tổ B, khối phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1963 và ông Võ Hồng T, sinh năm 1959.

Cùng địa chỉ: Khối phố C, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Ông T có mặt, bà A hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam B nên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người kháng cáo: bị đơn ông Võ Hồng T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa,

*nguyên đơn là bà Lê Thị N trình bày:*

Vào ngày 15/5/2020 âm lịch, bà có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim A, ông Võ Hồng T vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất vay là 3.000.000 đồng/100.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay đến ngày 15/3/2021 thì bà Nguyễn Thị Kim A và ông Võ Hồng T phải trả lại cho bà số tiền trên. Đến nay, đã quá thời hạn trả nợ theo cam kết nhưng bà A và ông T không trả nợ cho bà. Hiện nay, bà A đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam B, tỉnh Thừa Thiên Huế. Khi bà đến đòi nợ thì ông T đã viết giấy cam kết thay mặt cho vợ xin trả dần nợ cho bà nhưng ông T không thực hiện. Tính đến nay, bà Nguyễn Thị Kim A và ông Võ Hồng T mới trả cho bà được số tiền 42.000.000 đồng. Theo Bản án hình sự của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xác định bà Nguyễn Thị Kim A còn nợ bà số tiền vay 158.000.000 đồng, nhưng bà A cho rằng đã trả cho bà được số tiền 48.000.000 đồng thì bà cũng chấp nhận.

Vì vậy, bà Lê Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Kim A và ông Võ Hồng T có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ còn lại 152.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 15/5/2020 âm lịch.

*Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Võ Hồng T trình bày:*

Vợ ông là bà Nguyễn Thị Kim A do làm ăn thua lỗ nên đã vỡ nợ. Bà Lê Thị N đến nhà ông đòi tiền. Do chưa kiểm tra sổ sách nên vợ ông trong lúc hoảng loạn vẫn ghi nợ bà N, vì có quá nhiều người đến nhà đòi nợ, thậm chí là đe dọa. Đến khi vợ ông bị bắt tạm giam và chấp hành án thì Công an đã xác minh số nợ thực tế vợ ông thiếu bà Lê Thị N là 67.840.000 đồng. Vì vậy, theo chứng cứ vợ ông đã làm việc với Cơ quan điều tra về số nợ và đã đối chứng tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam là 67.840.000 đồng. Cơ quan thi hành án dân sự đã có quyết định thi hành án buộc vợ ông trả cho các bị hại. Trong đó, phải trả cho bà Lê Thị N số tiền là 67.840.000 đồng. Bản thân ông không hề biết bà N và không biết nội dung tiền bạc giữa vợ ông với bà N và thực tế đã được xác minh điều tra bởi Cơ quan điều tra, Tòa án, Viện kiểm sát. Số tiền tại Giấy mượn tiền ngày 15/5/2020 âm lịch do bà N cung cấp về việc vợ chồng ông mượn bà N 200.000.000 đồng không khớp với số tiền Tòa án đã quyết định buộc vợ ông phải trả cho bà N là 67.840.000 đồng.

Ông không có vay tiền bà N, nếu bà A xác nhận có nợ bà N thì đây là nghĩa vụ của bà A phải trả nợ cho bà N. Ông công nhận chữ ký và chữ viết đứng tên Võ Hồng T và Nguyễn Thị Kim A tại Giấy mượn tiền ngày 15/5/2020 âm lịch do bà N cung cấp cho Tòa án là chữ ký và chữ viết của ông và bà A. Toàn bộ chữ viết và chữ ký đứng tên Võ Hồng T tại tờ giấy ghi ngày 28/01/2021, bắt đầu bằng dòng chữ: “*Tôi là Võ Hồng T. Thay mặt cho vợ là Nguyễn Thị Kim A sẽ trả một ít trong số nợ 200.000.000đ ... cho vợ chồng anh chị N theo đã ghi trong sổ là ngày 15/5/2020. Số còn lại bao nhiêu tôi xin được trả dần cho chị N ...*” là do ông viết và ký tên. Ông viết và ký ở hai tờ giấy trên là để vợ ông được yên ổn do có nhiều người đến đòi nợ, trong đó có bà N.

Ông không có thiếu nợ bà N nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

bà N.

*Tại lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim A trình bày:* bà có vay tiền của bà Lê Thị N theo Giấy mượn tiền ngày 15/5/2020 âm lịch. Lúc đó, chỉ có cá nhân bà vay. Sau sự việc, bà không có tiền trả, bà N có đến nhà buộc chồng bà là ông Võ Hồng T ký bổ sung vào giấy ghi nợ ngày 15/5/2020. Bà vay tiền vào đúng ngày 15/5/2020, với số tiền là 200.000.000 đồng và thỏa thuận miệng vay có tính lãi 100.000.000 đồng mỗi tháng phải trả cho bà N 3.000.000 đồng, như vậy mỗi tháng bà phải trả cho bà N 6.000.000 đồng. Thời gian vay đến tháng 3 năm 2021 thì trả, bà chưa trả xong nợ vay cho bà N theo Giấy mượn tiền ngày 15/5/2020. Bà đã trả tiền lãi cho bà N 48.000.000 đồng và bà ký trong sổ theo dõi của bà N. Đối với đơn khởi kiện của bà Lê Thị N thì bà không có ý kiến gì. Do bà đang chấp hành án tại Trại giam B nên bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2024/DS-ST ngày 28/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 117, 398, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim A và ông Võ Hồng T;

Buộc bà Nguyễn Thị Kim A và ông Võ Hồng T có nghĩa vụ phải trả cho bà Lê Thị N số tiền nợ vay còn lại là 152.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 15/5/2020 âm lịch.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/6/2024, bị đơn ông Võ Hồng T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Võ Hồng T thì thấy:

[2.1] Tại hồ sơ vụ án thể hiện, Giấy mượn tiền ngày 15/5/2020 âm lịch được xác lập giữa bên cho vay là bà Lê Thị N, bên vay là bà Nguyễn Thị Kim A, có nội dung bà Nguyễn Thị Kim A vay của bà Lê Thị N số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 15/3/2021. Giấy mượn tiền nêu trên đảm bảo về nội dung, hình thức và điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết.

[2.2] Sau khi bà A viết Giấy mượn tiền của bà N vào ngày 15/5/2020 âm lịch thì một thời gian sau ông Võ Hồng T cũng ký vào giấy mượn tiền này, đồng thời ngày 28/01/2021, ông T viết giấy có nội dung cam kết sẽ thay mặt cho bà A trả cho bà N số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng, nhưng sau đó ông T không thực hiện. Đối với khoản vay này, đã được bà A thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm; trong khi đó, ông T cũng đã thừa nhận số tiền bà A vay của bà N nên mới ký vào Giấy mượn tiền ngày 15/5/2020 âm lịch và viết giấy có nội dung cam kết trả nợ cho bà N như đã nêu trên. Hơn nữa, giao dịch vay tiền giữa bà N và bà A phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng ông T, bà A, được ông T thừa nhận nghĩa vụ trả nợ. Do đó, khoản nợ nêu trên được xác định là nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng ông T, bà A theo quy định tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông T, bà A trả cho bà N số tiền 152.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T đề nghị bà N cho ông T trả dần số tiền còn nợ là 152.000.000 đồng, nhưng không được bà N chấp nhận.

[2.4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Hồng T, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: ông Võ Hồng T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Hồng T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 137/2024/DS-ST ngày 28/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 38, 39, 92, 147, 148 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 117, 398, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 12, 14, 26 và 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim A và ông Võ Hồng T.

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim A và ông Võ Hồng T phải trả cho bà Lê Thị N số tiền nợ vay còn lại là 152.000.000 (*Một trăm năm mươi hai triệu*) đồng theo Giấy mượn tiền ngày 15/5/2020 âm lịch.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Kim A và ông Võ Hồng T được miễn.

Án phí dân sự phúc thẩm: ông Võ Hồng T được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (04/9/2024).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thành phố Tam Kỳ;
- Chi cục THADS thành phố Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)  
Phạm Quốc Bảo**